

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 823/ BC-PC3I-5
V/v: công bố thông tin theo quy định

Đà Nẵng, ngày 2 tháng 7 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)

Mã chứng khoán: PIC

Địa chỉ trụ sở chính: 78A Duy Tân - Q. Hải Châu - TP Đà Nẵng

Địa chỉ liên lạc: 182 Hoàng Diệu - Q. Hải Châu - TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.2210027-0511.2212542 Fax: 0511.2221000

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Lương Minh - Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Đầu tư Điện lực 3

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Nội dung thông tin công bố:

+ Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2016.

+ Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh bán niên 2016 so với bán niên 2015.

+ Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh bán niên 2016 trước và sau soát xét.

- Các nội dung giải trình (nếu có): không có

Địa chỉ website đăng tải nội dung thông tin công bố: www.pc3invest.vn

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo: + Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2016.

+ Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh bán niên 2016 so với bán niên 2015 và Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh bán niên 2016 trước và sau soát xét

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;

- Đăng web; *dm*

- Lưu P1, P5.



Nguyễn Lương Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào
ngày 30 tháng 6 năm 2016**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 – 24

361
CỔ
T
1 TO
M V
-CH
MIÊN
CH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 11 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 426/QĐ-SGDHN ngày 13 tháng 07 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 05 tháng 08 năm 2015 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 781/TB-SGDHN ngày 24 tháng 07 năm 2015).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 291.467.070.000 đồng.

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2013
Ông Nguyễn Lương Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2013
Ông Phạm Quốc Khánh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2013
Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2013
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2013

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Ngô Tấn Hồng	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2013 Miễn nhiệm ngày 27/04/2016
Ông Nguyễn Anh Văn	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2013 Miễn nhiệm ngày 27/04/2016
Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/04/2016
Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2013
Bà Lê Thị Minh Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2016

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Lương Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2013
Ông Phạm Sĩ Huân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/03/2013

Ông Nguyễn Dương Long
Bà Đặng Thị Thu Nga

Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 15/11/2014
Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2015

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các kỳ kế toán tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 07 năm 2016

Số: 36/BCSX/2016-RSMMT

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3, được lập ngày 21 tháng 07 năm 2016, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Báo cáo kiểm toán số 122/2016/BCKT-AAC ngày 29 tháng 02 năm 2016.



Trần Dương Nghĩa

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2015-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Văn phòng Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.660.921.070	70.009.140.707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.769.968.829	9.021.947.469
1. Tiền	111	5.1.1	1.073.678.212	189.093.608
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1.2	20.696.290.617	8.832.853.861
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.625.466.286	36.698.997.472
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.129.800.305	20.031.391.349
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	7.253.476.412	16.447.940.716
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	262.189.569	239.665.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(20.000.000)	(20.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	22.243.987.314	11.074.387.772
1. Hàng tồn kho	141		22.243.987.314	11.074.387.772
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.021.498.641	13.213.807.994
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.743.271.809	12.974.209.697
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7.1	278.226.832	239.598.297
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		421.430.519.692	344.611.102.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		220.255.548.046	224.863.343.242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	220.221.785.046	224.863.343.242
- Nguyên giá	222		304.593.272.454	304.593.272.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.371.487.408)	(79.729.929.212)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	33.763.000	-
- Nguyên giá	228		68.873.653	33.333.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.110.653)	(33.333.653)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		200.911.627.088	119.342.861.870
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	200.911.627.088	119.342.861.870
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		263.344.558	404.897.693
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	160.110.458	233.876.093
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		103.234.100	171.021.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		482.091.440.762	414.620.243.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		176.355.320.995	97.531.926.170
I. Nợ ngắn hạn	310		50.898.181.951	37.069.574.808
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	12.241.994.728	8.959.431.340
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7.2	881.464.010	1.965.220.627
3. Phải trả người lao động	314		443.772.000	6.599.731.454
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	689.336.817	787.002.889
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	20.240.291.504	4.015.330.027
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	15.914.285.714	14.714.285.714
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		487.037.178	28.572.757
II. Nợ dài hạn	330		125.457.139.044	60.462.351.362
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	125.457.139.044	60.462.351.362
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		305.736.119.767	317.088.317.342
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	305.736.119.767	317.088.317.342
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		291.467.070.000	291.467.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		291.467.070.000	291.467.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.131.301.456	131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.172.748.311	25.524.945.886
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.951.250.986	522.072.283
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.221.497.325	25.002.873.603
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		482.091.440.762	414.620.243.512



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 07 năm 2016

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	5.18	22.356.381.003	29.576.436.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	5.18	22.356.381.003	29.576.436.841
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	7.639.198.007	9.349.442.239
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		14.717.182.996	20.226.994.602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	326.905.835	773.043.084
7. Chi phí tài chính	22	5.21	1.594.838.960	2.048.044.644
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.493.822.400	2.048.044.644
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	1.706.953.478	2.092.091.893
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.742.296.393	16.859.901.149
11. Thu nhập khác	31	5.23	144.979.483	1.405.875.475
12. Chi phí khác	32	5.24	-	1.155.655.475
13. Lợi nhuận khác	40		144.979.483	250.220.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.887.275.876	17.110.121.149
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	665.778.551	910.303.732
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.221.497.325	16.199.817.417
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	385	597
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.28	375	597



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 07 năm 2016

Ceter

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

anh

Lê Thị Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của
Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.887.275.876	17.110.121.149
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	4.638.936.136	5.376.124.843
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.630.955	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(319.279.475)	(773.043.084)
- Chi phí lãi vay	06	1.493.822.400	2.048.044.644
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	17.707.385.892	23.761.247.552
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	33.245.960.548	285.620.025
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.101.812.042)	(2.769.592.298)
- Tăng, giảm khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.577.497.084)	(4.499.854.364)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	73.765.635	(45.268.582)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.591.488.472)	(2.308.058.334)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(868.383.238)	(994.822.370)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.712.535.579)	(1.402.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.175.395.660	12.027.221.629
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(81.599.906.158)	(26.908.692.277)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	339.159.466	800.207.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(81.260.746.692)	(26.108.484.757)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	20.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	82.751.930.539	163.242.034
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.557.142.857)	(7.357.142.857)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.361.406.485)	(575.910.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	61.833.381.197	12.230.188.737
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.748.030.165	(1.851.074.391)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.021.947.469	39.129.031.870
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.805)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.769.968.829	37.277.957.479



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 07 năm 2016

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập biểu

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 11 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 426/QĐ-SGDHN ngày 13 tháng 07 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 05 tháng 08 năm 2015 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 781/TB-SGDHN ngày 24 tháng 07 năm 2015).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 291.467.070.000 đồng.

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Việt Nam	215.900.000.000	74,07	215.900.000.000	74,07
Các đối tượng khác	Việt Nam	75.567.070.000	25,93	75.567.070.000	25,93
Cộng		291.467.070.000	100	271.467.070.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 51 (31 tháng 12 năm 2015 là: 50).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt: các cấu kết bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lồng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư điện lực 3 tại KonTum, địa chỉ: thôn Măng Đen, xã Đăk Lông, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

5.1.1. Tiền

	USD	Số cuối kỳ VND	USD	Số đầu năm VND
- Tiền mặt tại quỹ (VND)		336.267.040		22.221.743
- Tiền gửi ngân hàng		737.411.172		166.871.865
+ VND		736.257.291		165.709.179
+ USD	51,79 #	1.153.881	51,79 #	1.162.686
Cộng		1.073.678.212		189.093.608

5.1.2. Các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	20.696.290.617	8.832.853.861
Cộng	20.696.290.617	8.832.853.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.129.800.305	20.031.391.349
Cộng	4.129.800.305	20.031.391.349

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ	4.129.800.305	20.031.391.349
Cộng		4.129.800.305	20.031.391.349

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
FOURESS PRIVATE LIMITED	-	5.156.889.400
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	-	5.520.179.000
Công ty CP Kỹ Nguyên Mới	378.852.400	1.285.825.000
Công ty TNHH Bất động sản Sun Land	4.830.000.000	-
Tổng Công ty Cơ điện xây dựng	944.748.000	944.748.000
Công ty CP Sông Đà 505	-	2.815.467.000
Các đối tượng khác	1.099.876.012	724.832.316
Cộng	7.253.476.412	16.447.940.716

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	173.653.899	-	117.840.093	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	-	30.000.000	-
Lãi dự thu	-	-	19.879.991	-
Phải thu khác	88.535.670	-	71.945.323	-
Cộng	262.189.569	-	239.665.407	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ VND			Số đầu năm VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Viện Khoa học Thủy lợi	20.000.000	-	Trên 3 năm	20.000.000	-	Trên 3 năm
Cộng	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>		<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	

5.6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.243.987.314	-	11.074.387.772	-
Cộng	<u>22.243.987.314</u>	<u>-</u>	<u>11.074.387.772</u>	<u>-</u>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

5.7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

5.7.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND
Thuế GTGT	4.705.655	1.441.978	-	3.263.677
Thuế xuất nhập khẩu	-	79.889.470	91.054.470	11.165.000
Thuế thu nhập cá nhân	234.892.642	1.291.476.417	1.320.381.930	263.798.155
Cộng	<u>239.598.297</u>	<u>1.372.807.865</u>	<u>1.411.436.400</u>	<u>278.226.832</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế GTGT	783.306.009	7.631.373.730	8.039.875.646	374.804.093
Thuế thu nhập cá nhân	22.500	-	22.500	-
Thuế tài nguyên	434.314.588	1.060.494.793	1.307.287.507	187.521.874
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	378.202.730	665.778.551	868.383.238	175.598.043
Phí và lệ phí khác	369.374.800	330.907.600	556.742.400	143.540.000
Cộng	1.965.220.627	9.688.554.674	10.772.311.291	881.464.010

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

5.8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	174.306.139.365	114.079.149.839	15.815.108.737	392.874.513	304.593.272.454
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	174.306.139.365	114.079.149.839	15.815.108.737	392.874.513	304.593.272.454
Khấu hao					
Số đầu năm	30.086.987.938	43.150.691.029	6.199.538.732	292.711.513	79.729.929.212
Khấu hao trong kỳ	3.152.826.476	1.377.262.507	101.452.913	10.016.300	4.641.558.196
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	33.239.814.414	44.527.953.536	6.300.991.645	302.727.813	84.371.487.408
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	144.219.151.427	70.928.458.810	9.615.570.005	100.163.000	224.863.343.242
Số cuối kỳ	141.066.324.951	69.551.196.303	9.514.117.092	90.146.700	220.221.785.046

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 173.756.697.209 đồng.
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.067.361.517 đồng.
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý là 76.348.700 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	33.333.653	33.333.653
Mua trong kỳ	35.540.000	35.540.000
Số cuối kỳ	68.873.653	68.873.653
Khấu hao		
Số đầu năm	33.333.653	33.333.653
Khấu hao trong kỳ	1.777.000	1.777.000
Số cuối kỳ	35.110.653	35.110.653
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	33.763.000	33.763.000

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công trình thủy điện Đăkpône - Hồ B	156.945.455	156.945.455
Công trình thủy điện Đăkrông 1	197.854.432.681	116.285.667.463
Công trình thủy điện Sông Tranh 5	2.900.248.952	2.900.248.952
Cộng	200.911.627.088	119.342.861.870

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	160.110.458	233.876.093
Cộng	160.110.458	233.876.093

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
FOURESS PRIVATE LIMITED	5.399.760.000	5.399.760.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	3.096.983.400	3.096.983.400	4.088.291.000	4.088.291.000
Công ty Cổ phần Trường Danh	1.708.239.000	1.708.239.000	3.843.066.000	3.843.066.000
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	1.644.179.000	1.644.179.000	-	-
Các đối tượng khác	392.833.328	392.833.328	1.028.074.340	1.028.074.340
Cộng	12.241.994.728	12.241.994.728	8.959.431.340	8.959.431.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Trích trước khối lượng quyết toán Hồ B - Đăkpône	5.910.001	5.910.001
Trích trước chi phí đồng phục 2014	-	-
Trích trước chi phí hồ sơ mời thầu	2.418.556	2.418.556
Chi phí lãi vay	681.008.260	778.674.332
Cộng	689.336.817	787.002.889

5.14. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.755.714	5.755.714
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.234.535.790	4.009.574.313
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (bên liên quan)	-	46.305.863
- Cổ tức phải trả	16.931.662.115	890.373.700
- Công ty Bảo hiểm BIDV	50.110.160	50.110.160
- Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.727.000.000	2.727.000.000
- Phải trả khác	525.763.515	295.784.590
Cộng	20.240.291.504	4.015.330.027



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính

5.15.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND		Trong kỳ VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.200.000.000	1.200.000.000	10.400.000.000	9.200.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	1.200.000.000	1.200.000.000	10.400.000.000	9.200.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.714.285.714	14.714.285.714	7.357.142.857	7.357.142.857	14.714.285.714	14.714.285.714
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - Chi nhánh Đà Nẵng	14.714.285.714	14.714.285.714	7.357.142.857	7.357.142.857	14.714.285.714	14.714.285.714
Cộng	15.914.285.714	15.914.285.714	17.757.142.857	16.557.142.857	14.714.285.714	14.714.285.714

5.15.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ VND		Trong kỳ VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	140.171.424.758	140.171.424.758	72.351.930.539	7.357.142.857	75.176.637.076	75.176.637.076
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (*)	110.721.631.865	110.721.631.865	72.351.930.539	-	38.369.701.326	38.369.701.326
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - Chi nhánh Đà Nẵng (**)	29.449.792.893	29.449.792.893	-	7.357.142.857	36.806.935.750	36.806.935.750
Cộng	140.171.424.758	140.171.424.758	72.351.930.539	7.357.142.857	75.176.637.076	75.176.637.076
Trong đó:						
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.714.285.714				14.714.285.714	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	125.457.139.044				60.462.351.362	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Vay dài hạn tại Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng – Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFC-ĐN) theo Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 08/2014/HĐTD-DN/EVNFC-ĐN ngày 10/10/2014:

- Số tiền vay: 51.500.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 42 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 10/10/2014).
- Thời hạn ân hạn gốc: Không ân hạn.
- Lãi suất trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 04 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), + biên độ lãi suất là 2,5%/năm. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,3%/năm. Lãi suất từ ngày 01/01/2016 cho đến ngày 31/03/2016 là: 8,5%/năm, từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016 là: 9,025%.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Tái tài trợ tiểu dự án Nhà máy Thủy điện hồ A – Đăk Pôn thuộc dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Pôn tại Xã Măng Canh và Xã Đăk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum.
- Bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tiểu dự án Nhà máy Thủy điện hồ A – Đăk Pôn công suất 14 MW thuộc dự án Nhà máy thủy điện Đăk Pôn tại Xã Măng Canh và Xã Đăk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum (Bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác).

Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2014/HĐTC-DN/EVNFC-ĐN ngày 10/10/2014 được ký giữa Bên thế chấp là Bên vay và Bên nhận thế chấp là Bên cho vay.

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản tiểu dự án Nhà máy thủy điện hồ A – Đăk Pôn công suất 14 MW thuộc dự án Nhà máy thủy điện Đăk Pôn đã được Công ty và EVNFC-ĐN cùng định giá thời điểm 30/09/2014 là 190.231.864.358 đồng (Chi tiết theo biên bản định giá số 10/2014 ngày 10/10/2014 được ký bởi bên nhận đảm bảo và bên đảm bảo).

(**) Vay dài hạn tại Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng – Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. (ngày 06/02/2015)
- Thời hạn ân hạn gốc: 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 05 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) + biên độ lãi suất là 2,2%/năm. Lãi suất vay trong hạn của chu kỳ đầu tiên được xác định vào ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày 06/02/2015): 8,72%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị.
- Bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ công trình Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị hình thành từ vốn vay và vốn tự có (bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác).

Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/BĐ-PC3I ngày 22/10/2014.

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản tính theo Tổng mức đầu tư trước thuế GTGT dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 là 326.203 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Bảng biến động Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	271.467.070.000	(35.000.000)	131.301.456	16.470.425.783	288.033.797.239
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm trước	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	16.199.817.417	16.199.817.417
Giảm trong 6 tháng	-	-	-	15.948.353.500	15.948.353.500
Số dư tại ngày 30/06/2015	291.467.070.000	(35.000.000)	131.301.456	16.721.889.700	308.285.261.156
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	8.803.056.186	8.803.056.186
Số dư tại ngày 01/01/2016	291.467.070.000	(35.000.000)	131.301.456	25.524.945.886	317.088.317.342
Lãi trong kỳ này	-	-	-	11.221.497.325	11.221.497.325
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	23.573.694.900	23.573.694.900
Số dư cuối kỳ này	291.467.070.000	(35.000.000)	1.131.301.456	13.172.748.311	305.736.119.767

5.16.2. Chi tiết Vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	215.900.000.000	215.900.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	75.567.070.000	75.567.070.000
Cộng	291.467.070.000	291.467.070.000

5.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	291.467.070.000	271.467.070.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	20.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	291.467.070.000	291.467.070.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.16.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.146.707	29.146.707
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.146.707	29.146.707
- Cổ phiếu phổ thông	29.146.707	29.146.707
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.146.707	29.146.707
- Cổ phiếu phổ thông	29.146.707	29.146.707
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/cổ phần		

5.16.5. Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	25.524.945.886	16.470.425.783
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	11.221.497.325	25.002.873.603
Phân phối lợi nhuận	23.573.694.900	15.948.353.500
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	23.573.694.900	15.948.353.500
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000	-
- Trích quỹ thưởng ban điều hành	500.000.000	500.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.671.000.000	1.875.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	20.402.694.900	13.573.353.500
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.172.748.311	25.524.945.886

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2016.

5.16.6. Cổ tức

Nghị quyết ĐHĐCĐ số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2016 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2015 bằng tiền là 7% (tương đương: 20.402.694.900 đồng). Theo đó, ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là 23/05/2016 và thời gian thanh toán cổ tức là từ ngày 23/06/2016.

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	51,79	51,79

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	22.356.381.003	29.576.436.841
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.356.381.003	29.576.436.841

Trong đó, doanh thu với bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	22.356.381.003	29.576.436.841
Cộng	22.356.381.003	29.576.436.841

5.19. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn điện thương phẩm	7.639.198.007	9.349.442.239
Cộng	7.639.198.007	9.349.442.239

5.20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	319.279.475	773.043.084
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.626.360	-
Cộng	326.905.835	773.043.084

5.21. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.493.822.400	2.048.044.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	94.385.605	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.630.955	-
Cộng	1.594.838.960	2.048.044.644

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương	833.243.088	1.145.263.751
Các khoản khác	873.710.390	946.828.142
Cộng	1.706.953.478	2.092.091.893

5.23. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ xử lý công nợ lâu năm	144.979.483	-
Thu nhập từ bán nguyên vật liệu	-	1.155.655.475
Thu nhập từ tiền bảo lãnh dự thầu	-	250.000.000
Các khoản khác	-	220.000
Bán hồ sơ mời thầu	-	-
Cộng	144.979.483	1.405.875.475

5.24. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí bán nguyên vật liệu	-	1.155.655.475
Cộng	-	1.155.655.475

5.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.887.275.876	17.110.121.149
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	11.742.296.393	16.859.901.149
- Thu nhập từ hoạt động khác	144.979.483	250.220.000
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	993.356.686	245.205.503
Điều chỉnh tăng	993.356.686	245.205.503
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	117.660.000	175.100.000
- Chi phí không hợp lệ	875.696.686	70.105.503
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	12.880.632.562	17.355.326.652
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	12.735.653.079	17.105.106.652
- Thu nhập từ hoạt động khác	144.979.483	250.220.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.302.561.205	1.765.559.065
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoạt động ưu đãi (10%)	1.273.565.308	1.710.510.665
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	28.995.897	55.048.400
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	636.782.654	855.255.333
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	665.778.551	910.303.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.090.692	153.909.681
Chi phí nhân công	1.953.145.801	2.227.695.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.638.936.136	5.376.124.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.219.504	269.883.314
Chi phí khác bằng tiền	2.502.759.352	3.413.920.895
Cộng	9.346.151.485	11.441.534.132

5.27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.221.497.325	16.199.817.417
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.221.497.325	16.199.817.417
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	29.146.707	27.157.757
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	385	597

5.28. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.221.497.325	16.199.817.417
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.221.497.325	16.199.817.417
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	29.146.707	27.157.757
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	800.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	375	597

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	Công ty mẹ

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

			Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
	Mối quan hệ	Khoản mục		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	4.129.800.305	20.031.391.349
		Phải trả khác	-	46.305.863

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

			Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	Mối quan hệ	Giao dịch		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ	Bán điện	22.356.381.003	29.576.436.841


8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.


9. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào 21 tháng 07 năm 2016.




Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 07 năm 2016


Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng


Lê Thị Hiền
Người lập biểu